

CÔNG TY CỔ PHẦN AGRI HIGH TECH HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AGRI HIGH TECH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AGRI HIGH TECH HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AGRI HIGH TECH HA NOI., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108186180

3. Ngày thành lập: 15/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà B19- BT5, KĐT Việt Hưng Đường Lưu Khánh Đàm, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901.790.919

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
2.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
3.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
4.	Xây dựng công trình công ích	4220
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
7.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
8.	Quảng cáo	7310
9.	Bốc xếp hàng hóa	5224
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết : Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
11.	Trồng cây lấy sợi	0116
12.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
14.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

15.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
22.	Trồng cây hàng năm khác	0119
23.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
24.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
25.	Chăn nuôi lợn	0145
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0221
28.	Xây dựng nhà các loại	4100
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
34.	Trồng lúa	0111
35.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
36.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
37.	Trồng cây cà phê	0126
38.	Trồng cây chè	0127
39.	Trồng cây lâu năm khác	0129
40.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
41.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
42.	Chăn nuôi gia cầm	0146
43.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
46.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
47.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
48.	Sản xuất giống thủy sản	0323

49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón	4669
54.	Bán buôn gạo	4631
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
57.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Trồng cây ăn quả	0121
65.	Trồng cây cao su	0125
66.	Khai thác thủy sản biển	0311
67.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
68.	Bán buôn thực phẩm	4632
69.	Bán buôn đồ uống	4633
70.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
71.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
72.	Khai thác và thu gom than non	0520
73.	Khai thác quặng sắt	0710
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
76.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150(Chính)
77.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
78.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
79.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
80.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

81.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm)	0899
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
84.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
85.	Phá dỡ	4311
86.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
87.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
88.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
89.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
90.	Trồng cây điều	0123
91.	Trồng cây hồ tiêu	0124

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THUẦN HOA	Số 211 Trần Thái Tông, tổ 24, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	33,000	0361820063 27	
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	33,000		
2	VŨ ĐỨC VIỆT	Thôn Trần Phú, Xã Đông Thọ, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	640.000	6.400.000.000	32,000	0340810022 00	
			Tổng số	640.000	6.400.000.000	32,000		

3	NGUYỄN HIẾU VINH	G18 BT8 KĐT Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	0010540015 68	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082001308

Ngày cấp: 10/01/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G18 BT8 KĐT Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: G18 BT8 KĐT Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội